

Bản án số: 11/2021/KDTM-PT.  
Ngày 10/11/2021.  
V/v tranh chấp hợp đồng gia công,  
thi công xây dựng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Duy Phương;

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Kim Khánh và bà Đinh Thị Tuyết;

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Công Bình - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk;

**- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk:** Ông Nguyễn Văn Ban - Kiểm sát viên.

Ngày 10/11/2021 tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2021/KDTM-PT ngày 11/10/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng gia công, thi công xây dựng*” giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH S;

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Trúc M – Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến D: Có mặt tại phiên tòa;

Cùng địa chỉ: 01 đường N, TP P, tỉnh Gia Lai.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH MTV X;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Giám đốc: Có mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: 568 đường N1, TP B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Hữu T1 - Địa chỉ: 477 đường N1, TP B, tỉnh Đắk Lắk:  
Vắng mặt tại phiên tòa ;

+ Ông Vũ Thiện S1 - Địa chỉ: 568 đường N1, TP B, tỉnh Đắk Lắk: Vắng  
mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Nguyên đơn trình bày:**

Công ty TNHH S trước đây là Doanh nghiệp tư nhân S, vì theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/01/2018 mọi quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp tư nhân S đã được chuyển giao toàn bộ cho Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S).

Từ ngày 09/5/2013 đến ngày 28/01/2015 Công ty S và Công ty TNHH MTV X (sau đây gọi tắt là Công ty X) có ký 03 Hợp đồng kinh tế: số 302 ngày 09/5/2013 giá trị 11.110.325.000 đồng, số 04 ngày 23/6/2014 giá trị

1.165.852.000 đồng và số 80 ngày 28/01/2015 giá trị là 2.843.172.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện, Công ty S đã thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng và tất cả đã được nghiệm thu. Công ty X đã thanh toán, trả phần lớn giá trị các hợp đồng nói trên. Còn một phần nhỏ chưa thanh toán, đã đối chiếu và xác nhận công nợ bằng văn bản: ngày 30/9/2017 còn nợ là 96.096.296 đồng và ngày 31/10/2017 còn nợ là 2.286.771.354 đồng. Ngày 14/3/2018 đã trả 30.000.000 đồng đối với Hợp đồng số 04. Tính đến ngày 01/02/2019 đã trả nhiều đợt với số tiền 650.000.000 đồng cho Hợp đồng số 302 và số 80 (*Thời điểm, số tiền thanh toán cụ thể có bảng sao kê tài khoản ngân hàng kèm theo*). Hiện nay còn nợ Hợp đồng số 04 là 66.096.296 đồng, Hợp đồng số 302 và số 80 là 1.636.771.354 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty X phải trả nợ gốc từ các Hợp đồng nói trên 1.702.867.650 đồng và trả nợ lãi phát sinh do chậm trả theo quy định của Luật thương mại với mức 9.7%/năm (Kể từ ngày xác nhận nợ đến ngày 31/5/2021 là 592.378.668 đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu trả số nợ gốc nói trên và 609.858.165 đồng lãi chậm thanh toán (Tính từ ngày đối chiếu nợ đến ngày xét xử sơ thẩm).

## **2. Bị đơn trình bày:**

Các hợp đồng kinh tế và hồ sơ thanh toán giữa Công ty X và Doanh nghiệp tư nhân S thực hiện trước ngày 23/7/2019 đang trong giai đoạn xử lý sau thanh tra, điều tra và chờ kết quả cuối cùng của các cơ quan chức năng. Toàn bộ số liệu liên quan đến nội dung khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân S đã quá lâu và qua nhiều thời kỳ Giám đốc, các ông: Đỗ Văn H, Vũ Văn Y, Nguyễn Hữu T1, Phạm Văn T2 chưa được đối chiếu, kiểm tra xác minh lại công nợ cũng như rà soát lại hồ sơ pháp lý liên quan đến việc ký nghiệm thu thanh toán xác nhận giữa hai bên.

Do đó nguyên đơn khởi kiện thì đề nghị đối chiếu lại số nợ và nguồn tiền trả. Sau khi Cục điều tra hình sự của Bộ quốc phòng chuyển tiền khắc phục về thì chúng tôi sẽ thanh toán cho Công ty S .

## **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Ông Nguyễn Hữu T1: Xác nhận việc nguyên đơn và Công ty X là có quan hệ với nhau 02 hợp đồng thi công, hợp đồng gói thầu số 23 hồ chứa nước suối khu vực tỉnh Phú Yên và hợp đồng gói thầu số 6 cầu Phú Càn tỉnh Gia Lai, thời gian thực hiện hợp đồng khoảng năm 2012 đến năm 2014 là kết thúc. Thời gian này chủ thể ký hợp đồng là người khác, bản thân nhận nhiệm vụ thay thế chủ thể từ năm 2016 vậy đề nghị xem xét lại hợp đồng để có gì mời chủ thể trong hợp đồng giải thích nếu có vướng mắc. Công nợ khẳng định là có nhưng bao nhiêu không nắm được vì là người kế nhiệm nhận lại công nợ và có trả nợ, có xác nhận công nợ, có văn bản. Vậy tòa án căn cứ vào văn bản công nợ để giải quyết vì bản thân không điều hành công ty đã gần 02 năm rồi nên không biết hiện nay công nợ là bao nhiêu. Đề nghị tòa án căn cứ vào chứng cứ từ gốc để xác định.

- Ông Vũ Thiện S1, ông Nguyễn Hữu T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án .

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 08/7/2021 của TAND TP Buôn Ma Thuột đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 165; Điều 220; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 401; Điều 403; Điều 418 Điều 429; Điều 468; Điều 542, 552 Bộ luật dân sự; Điều 113, Điều 114 Luật xây dựng; Điều 306 Luật thương mại; Khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S; Buộc Công ty TNHH MTV X phải trả cho Công ty TNHH S số tiền nợ gốc là 1.702.867.650 đồng và tiền lãi là 609.858.165 đồng;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất giai đoạn thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo. Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng huỷ bản án sơ thẩm nói trên.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Đại diện uỷ quyền nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời khai, trình bày, các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp tại cấp sơ thẩm không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm;

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, giữ nguyên lời khai, trình bày, các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp tại cấp sơ thẩm, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm nói trên.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến cho rằng: Cấp sơ thẩm đã không lấy lời khai của ông Vũ Thiện S1 - Đội trưởng Đội 5, không đưa ông Vũ Văn Y - nguyên Giám đốc, Nguyễn Ngọc T2 - nguyên Đội trưởng Đội 5 của Công ty X vào tham gia với tư cách người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm nói trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

- Về tư cách khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/01/2018 Công ty TNHH S chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân S, do vậy mọi quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp tư nhân S đã được chuyển giao toàn bộ cho Công ty TNHH S. Do vậy nguyên đơn khởi kiện Công ty X về công nợ của các hợp đồng trước đây của Doanh nghiệp tư nhân S là có cơ sở pháp lý và đủ tư cách tố tụng tại Tòa án.

- Về việc thu thập chứng cứ, tài liệu tại cấp sơ thẩm:

Toàn bộ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được tại cấp sơ thẩm đều do nguyên đơn và bị đơn cung cấp, có đóng dấu xác nhận như nội dung bản chính của pháp nhân lưu trữ bản gốc hoặc công chứng, chứng thực bản sao như bản chính của cơ quan công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật công chứng, chứng thực. Như vậy, chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án do pháp nhân hoặc cơ nhà nước có thẩm quyền cung cấp, lưu trữ công

chứng, chứng thực.

Trong quá trình giải quyết vụ án, không có khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, mâu thuẫn, yêu cầu giám định... nào liên quan đến việc thu thập, đánh giá chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Việc thu thập đánh giá giá trị tài liệu, chứng cứ của vụ án tại cấp sơ thẩm đảm bảo đúng theo các quy định từ Điều 91 đến Điều 110 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do vậy các chứng cứ, tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án đều có giá trị chứng minh trong vụ án.

## **2. Xét kháng cáo của bị đơn:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán phần còn nợ gốc và lãi suất của số tiền 1.702.867.650 đồng của 03 Hợp đồng kinh tế (Tổng giá trị là 15.119.349.000 đồng). Tài liệu, chứng cứ là văn bản xác nhận nợ: Ngày 30/9/2017 còn nợ là 96.096.296 đồng và ngày 31/10/2017 còn nợ là 2.286.771.354 đồng.

Bị đơn cho rằng quá trình ký kết, thực hiện, nghiệm thu, quyết toán, trả nợ... các hợp đồng nói trên có sai phạm như: Nguyên đơn ký không đúng người có thẩm quyền của bị đơn, không có hợp đồng, chứng từ gốc, quá trình thi công, thực hiện hợp đồng có nhiều sai phạm, bị phạt hợp đồng, các Giám đốc, đội trưởng, nhân viên cũ của Công ty X có nhiều sai phạm, bị thanh tra, kiểm tra, điều tra hình sự khi tham gia ký kết, thực hiện, nghiệm thu, quyết toán, trả nợ các hợp đồng nói trên... Công ty X phải kiểm tra, rà soát, tính toán lại từng khoản, từng nội dung hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán, tiến hành phạt hợp đồng... sau đó mới nghiệm thu, thanh toán, trả nợ cho nguyên đơn.

Qua kiểm tra, đối chiếu bản sao kê tài khoản số 62010000102826 của Công ty S do Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Gia Lai xác nhận và cung cấp, thì tại các thời điểm sau đây, Công ty X đã chuyển trả một phần số nợ trên qua tài khoản số 6310000000735 của Công ty X mở tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Đắk Lắk :

Ngày 23/11/2017: chuyển trả 200.000.000 đồng;

Ngày 12/02/2018: chuyển trả 300.000.000 đồng;

Ngày 14/03/2018: chuyển trả 30.000.000 đồng;

Ngày 03/01/2019: chuyển trả 100.000.000 đồng

Ngày 01/02/2019: chuyển trả 50.000.000 đồng.

Số tài khoản 6310000000735 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Đắk Lắk của Công ty X cũng thể hiện đầy đủ, rõ ràng, chi tiết trong phần thông tin pháp nhân của Công ty X khi tham gia ký kết 03 Hợp đồng kinh tế nói trên. Bảng sao kê nói trên cũng phù hợp với lời khai của Công ty S về việc Công ty X sau khi xác nhận nợ năm 2017 thì vào năm 2018 và năm 2019 đã trả một phần nợ như sau: Ngày 14/3/2018: trả 30.000.000 đồng đối với Hợp đồng số 04. Tính đến ngày 01/02/2019 đã trả nhiều đợt với số tiền 650.000.000 đồng cho Hợp đồng số 302 và số 80.

Sau khi chuyển trả một phần số nợ, về nguyên tắc, hệ thống kế toán và người đứng đầu pháp nhân - Giám đốc Công ty X đã mặc nhiên biết và thừa

nhận văn bản xác nhận nợ và số nợ mà các cá nhân đại diện cho Công ty X đã xác nhận vào các ngày 30/9/2017 và ngày 31/10/2017 là có thật. Như vậy, có cơ sở thực tế và căn cứ pháp luật để khẳng định rằng: Việc ký kết, thực hiện, nghiệm thu, quyết toán, trả nợ... 03 Hợp đồng kinh tế nói trên, hệ thống kế toán và người đứng đầu pháp nhân - Giám đốc Công ty X đã biết, buộc phải biết, đã chấp nhận và không có ý kiến không đồng ý hay ý kiến phản đối nào khi ký kết, thực hiện, nghiệm thu, quyết toán, xác nhận công nợ... đối với 03 Hợp đồng kinh tế nói trên, trong đó có việc trả số nợ còn lại.

Bị đơn cho rằng: Quá trình ký kết, thực hiện, nghiệm thu, quyết toán, trả nợ... các hợp đồng nói trên có sai phạm như: Nguyên đơn ký không đúng người có thẩm quyền của bị đơn, không có hợp đồng, chứng từ gốc, quá trình thi công, thực hiện hợp đồng có nhiều sai phạm, chậm tiến độ, bị phạt hợp đồng... phải kiểm tra, rà soát, tính toán lại từng khoản, từng nội dung hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán, tiến hành phạt hợp đồng... sau đó mới nghiệm thu, thanh toán, trả nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ thực tế và cơ sở pháp luật để chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

Bị đơn cho rằng: Các Giám đốc, Đội trưởng, nhân viên cũ... của Công ty X có nhiều sai phạm, bị thanh tra, kiểm tra, điều tra hình sự... khi tham gia ký kết, thực hiện, nghiệm thu, quyết toán, trả nợ các hợp đồng nói trên... Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Đây là các công việc thuộc về nội bộ pháp nhân Công ty X, nếu các cá nhân này có sai phạm thì Công ty X có quyền yêu cầu các cá nhân này bồi thường về mặt dân sự theo trách nhiệm cá nhân với pháp nhân. Thực tế trong vụ án này cấp sơ thẩm đã thu thập được Kết luận điều tra số 01/KLĐT ngày 20/7/2020 của Cơ quan điều tra hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, theo đó ông Nguyễn Hữu T1, ông Vũ Văn Y và ông Đỗ Duy S2 đã nộp 85.500.000.000 đồng để khắc phục hậu quả sai phạm, đã hoàn trả cho Công ty X số tiền 78.478.070.205 đồng. Do vậy, việc xác định thiệt hại do các cá nhân trước đây gây nên (Các Giám đốc, Đội trưởng, nhân viên cũ...) của Công ty X như lời trình bày của bị đơn đã được xác định trong Kết luận điều tra nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới để làm thay đổi cơ bản bản chất của vụ án so với cấp sơ thẩm. Do vậy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc và mức lãi suất 9,7%/năm theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 là có căn cứ thực tế và có cơ sở pháp luật.

### **3. Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Trong vụ án này, các cá nhân tham gia quản lý, ký kết, thực hiện, nghiệm thu, quyết toán, trả nợ... các hợp đồng nói trên như ông Nguyễn Hữu T1, ông Vũ Thiện S1, ông Vũ Văn Y, ông Nguyễn Ngọc T2... chỉ là các cá nhân thừa hành nhiệm vụ của pháp nhân - Công ty X trong một giai đoạn nhất định. Do vậy, về ý nghĩa chứng cứ, giá trị chứng minh, lời khai của các cá nhân này chỉ có giá trị là biết sự việc liên quan đến vụ án. Nếu không biết, không nhớ được sự việc hay không hợp tác với Tòa án... thì có các tài liệu, chứng cứ lưu trữ tại pháp nhân để chứng minh nghĩa vụ, trách nhiệm của pháp nhân - Công ty X. Nếu không lưu trữ tại Công ty X thì lưu trữ ở bên khác của việc thực hiện hợp đồng như: Công

ty S hoặc tại các cơ quan thuế, ngân hàng, kiểm toán, cơ quan quản lý doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước cấp trên....

Các cá nhân này nếu có chết, mất tích, về hưu, chuyển công tác, thôi việc, nghỉ việc, bị kỷ luật, bị tạm giam, đi chấp hành án... hoặc không hợp tác với cơ quan Tòa án trong vụ án đều không ảnh hưởng đến hoạt động, tư cách, nghĩa vụ... của pháp nhân - Công ty X, không ảnh hưởng đến tính đúng đắn, khách quan khi cơ quan Tòa án giải quyết vụ án. Do vậy việc đưa các cá nhân này tham gia vụ án với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là không cần thiết và không đúng tư cách tố tụng vì họ chỉ là nhân chứng - là người biết sự việc trong một giai đoạn nhất định, không có trách nhiệm, nghĩa vụ gì với nguyên đơn khi nguyên đơn yêu cầu pháp nhân - Công ty X trả nợ.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở thực tế và căn cứ pháp luật để chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa phúc thẩm về quan điểm giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

#### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - Công ty TNHH MTV X. Giữ nguyên bản án Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Công ty TNHH MTV X phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ 2.000.000 đồng theo Biên lai số 60AA/2021/0004493 ngày 16/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC Đà Nẵng;
- Viện KSNDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Duy Phương**